TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIỂU CẦN** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 57/2024/DS-ST
Ngày: 10-7-2024
"Về tranh chấp hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Ân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung.

Ông Thạch Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Thành, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoàng Danh, kiểm sát viên.

- Người hỗ trợ phiên toà tại điểm cầu trung tâm Toà án nhân dân huyện Tiểu Cần: Ông Đặng Văn T, Thư ký Toà án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

- Người hỗ trợ phiên toà tại điểm cầu thành phần tại Tại Hội trường Ủy ban nhân dân xã H, huyện T: Ông Đặng Hoàng V, Phó Bí thư Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh xã H.

Ngày 10 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2023/TLST-DS, ngày 17 tháng 10 năm 2023, về việc *"Tranh chấp hợp đồng góp hụi"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 124/2024/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trần Thị H**, sinh năm 1972 (Có mặt);

Địa chỉ: Ấp Ô, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Chị **Thạch Thị S**, sinh năm 1976 và anh **Thạch K**, sinh năm 1974 (Vắng mặt không có lý do);

Cùng địa chỉ: Ấp Ô, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- *Người phiên dịch tiếng Khmer*: Ông **Thạch Thia R** – Giáo viên hưu trí (có mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/10/2023 và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày: Chị có tham gia các dây hụi do chị Thạch Thị S và anh Thạch K làm đầu thảo, loại hụi 2.000.000 đồng, khui lần đầu ngày 05/3/2019, trừ hoa hồng đầu thảo là 600.000 đồng, có 18 phần hụi, 01 tháng khui hụi 01 lần (dây hụi số 09) chị đã đóng hụi sống được 15 lần với số tiền là 15.680.000 đồng.

Trong các dây hụi chị S và anh K ghi chị tên "10 D". Hụi khui được 15 kỳ thì chị S và anh K không khui hụi tiếp và cho rằng vỡ hụi.

Nay chị yêu cầu chị S và anh K có trách nhiệm trả cho chị số tiền đóng hụi sống là 15.680.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn chị Thạch Thị S và anh Thạch K vắng mặt không có lời trình bày.

***Những vấn đề mà các đương sự đã thống nhất*: Không có**

Những vấn đề các đương sự không thống nhất:

Chị H yêu cầu chị S và anh K trả số tiền hụi còn nợ là 15.680.000 đồng.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, riêng bị đơn chưa chấp đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự vắng mặt suốt quá trình tố tụng và vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay.

Về nội dung vụ án: Chị S và anh K là chủ đầu thảo hụi có hưởng hoa hồng phải trả tiền hụi vốn mà các hụi viên đã đóng nhưng chị S và anh K không thực hiện nghĩa vụ của chủ hụi đối với hụi viên là đã vi phạm nghĩa vụ của chủ hụi đối với hụi viên còn sống, từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc chị S và anh K có nghĩa vụ liên đới trả cho chị H số tiền là 15.680.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Việc bị đơn chị S và anh K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn tranh chấp với bị đơn số tiền vốn gốc góp hụi là 15.680.000 đồng là có thật mặc dù các bên không có lập thành hợp đồng nhưng bị đơn có lập danh sách hụi và giao cho nguyên đơn giữ, khi thực hiện hợp đồng các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, các bên thực hiện hợp đồng hoàn toàn tự nguyện, mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Việc các bên thực hiện hợp đồng góp hụi bằng lời nói là phù hợp quy định tại Điều 119 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015, do đó hợp đồng có hiệu lực đối với các bên.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên yêu cầu bị đơn số tiền hụi sống đã đóng là 15.680.000 đồng. Nguyên đơn đã chứng minh được bằng danh sách hụi viên, lời khai của người làm chứng thể hiện nguyên đơn đã đóng hụi sống cho bị đơn với số tiền là 15.680.000 đồng. Việc nguyên đơn yêu cầu khởi kiện là thực hiện đúng quyền của hụi viên được quy định tại Điều 15 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ quy định "*Về họ, hụi, biêu, phường*". Do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[4] Đối với bị đơn không hợp tác với Tòa án không cung cấp bất kỳ chứng cứ gì phản đối với yêu cầu của nguyên đơn, nên bị đơn phải chịu hậu quả của việc không cung cấp chứng cứ cho Tòa án theo quy định tại Điều 91 của của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[5] Xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

[6] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, 35, 39, 91, 92, 147, 227, 228, 273 và 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 117, 119, 429, khoản 2 Điều 468, 471 của Bộ Luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định "*Về họ, hụi, biêu, phường*";

Áp dụng Điều 26 và Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị H.

Buộc chị Thạch Thị S và anh Thạch K có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho chị Trần Thị H số tiền là 15.680.000 đồng (*Mười lăm triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Thạch Thị S và anh Thạch K phải chịu là 784.000 đồng.

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho chị Trần Thị H số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 392.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0017081, ngày 16/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết công khai để xin xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Hoàng Ân